

Phụ lục 1
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 26/2025/NQ-HĐND
NGÀY 10 THÁNG 12 NĂM 2025 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
(6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	Đối tượng tham gia BHYT được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng BHYT theo Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND	Số thẻ	Kinh phí Ngân sách địa phương hỗ trợ theo Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND	
			Số tiền hỗ trợ (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ
1	Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	36.581	7.522.869.897	30%
2	Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (thời gian hỗ trợ đến ngày 31/10/2026)	36.802	10.791.901.425	30%
3	Người cao tuổi từ đủ 60 đến dưới 75 tuổi thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật	17.405	6.351.196.509	70%
4	Đảng viên được xét tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng trở lên (chưa được hỗ trợ đóng BHYT từ nguồn ngân sách Nhà nước)	370	161.003.700	100%
5	Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	4	421.200	100%
6	Người thuộc hộ gia đình mới thoát nghèo (thời gian hỗ trợ 12 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo)	1	105.300	20%
7	Người nhiễm HIV/AIDS có đăng ký thường trú tại thành phố Cần Thơ	1.961	1.111.652.100	100%
TỔNG		93.124	25.939.150.131	

Ghi chú: Theo Báo cáo của BHXH thành phố tại Công văn số 6234/BHXH-QLT ngày 10/7/2026.